

Bản án số: 08/2019/HNGĐ -ST

Ngày: 16.8.2019

*“V/v yêu cầu ly hôn và giải
quyết về con chung”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG, TỈNH HƯNG YÊN .

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Trung Dũng và ông Trần Quang Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Văn Quyền là Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Động

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tuấn Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Kim Động xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 61/2019/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019 về việc “yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1990 (có mặt).

Nơi ĐKKHKT: Thôn L, xã H, huyện K, tỉnh H.

Nơi ở: Thôn Đ, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Lê Mạnh T, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn L, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 20/5/2019 và các lời khai tại Toà án của nguyên đơn là chị Trần Thị H yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Mạnh T là hai người khác địa phương , kết hôn trên cơ sở tự nguyện , có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hiệp Cường ngày 06/01/2011. Vợ chồng chung sống cùng với mẹ đẻ anh T. Tháng 12/2011 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn , nguyên nhân do anh T rượu chè , chơi bời thường xuyên đi qua đêm, không tu trí làm ăn , chị khuyên bảo nhưng anh T không nghe , từ đó vợ chồng xảy ra cãi vã nhau, xúc phạm lẫn nhau . Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, Khoảng tháng 5/2013 do anh T vẫn chơi bời, rượu chè và đi qua đêm, khi chị tham gia anh T đã chửi chị, chị và con chung của vợ chồng đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở từ đó đến nay. Từ khi ly thân, gia đình cũng động viên, khuyên bảo để vợ chồng về chung sống nhưng chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị không thể tiếp tục chung sống với anh T được nữa , chị đề nghị Tòa án giải quyết t cho chị được ly hôn anh T để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung : Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Lê Duy K , sinh ngày 02/6/2011. Hiện nay cháu K đang ở với chị . Nếu ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi cháu K đến khi cháu thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị không yêu cầu giải quyết.

* Người làm chứng là bà Nguyễn Thị P (mẹ đẻ anh T), bà Bùi Thị N (mẹ đẻ chị H) trình bày: Chị H và anh T kết hôn và có con chung, tài sản chung như chị H đã trình bày là đúng . Trong thời gian chị H và anh T chung sống với nhau , vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng , nguyên nhân do anh T chơi bời , rượu chè. Chị H đã về gia đình nhà đẻ chị H từ tháng 5/2013 đến nay. Gia đình hai bên cũng khuyên bảo , động viên chị H, anh T về chung sống với nhau nhưng chị H kiên quyết không về . Bà N và bà P đều xác định, chị H và anh T không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa.

* Ủy ban nhân dân xã Hiệp Cường cung cấp: Thời gian, điều kiện kết hôn, con chung và quá trình chung sống của chị H và anh T như đã trình bày là đúng. Trong thời gian chị H và anh T chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng địa phương không biết . Chị H đang nuôi con chung của vợ chồng. Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T và giải quyết về con chung, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn là Trần Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình là đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Mạnh T, chị xin được nuôi con chung của vợ chồng là cháu Lê Duy K , sinh ngày 02/6/2011 đến khi cháu K thành niên , chị tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung , tài sản chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Lê Mạnh T vắng mặt tại phiên tòa.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, lấy lời khai, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vụ án đúng quy định của pháp luật, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định của pháp luật, đương sự được triệu tập đúng thành phần, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền lợi của đương sự tại phiên tòa. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình ; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Lê Mạnh T.

+ Về con chung: Giao cho chị Trần Thị H được tiếp tục nuôi con chung của vợ chồng là cháu Lê Duy K , sinh ngày 02/6/2001, đến khi cháu K thành niên . Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con . Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở

+ Về tài sản: không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Chị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho anh Tùng hợp lệ. Tại phiên tòa, anh Tùng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh T là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T là hai người khác địa phương, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hiệp Cường ngày 06/01/2011. Trong thời gian chung sống, chị H và anh T xảy ra mâu thuẫn, chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 5/2013 đến nay. Gia đình hai bên đã động viên khuyên bảo chị H và anh T tiếp tục về chung sống với nhau nhưng chị H không về chung sống với anh T. Nay chị H xác định không thể về chung sống với anh T. Xét thấy, chị H, anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, đời sống hôn nhân không đạt được. Vì vậy, giải quyết cho chị H ly hôn anh T là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị H, anh T có 01 con chung là cháu Lê Duy K, sinh ngày 02/6/2011. Hiện nay cháu K đang ở với chị H. Nếu ly hôn chị H xin nuôi cháu K cho đến khi thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cháu K từ nh ỏ đến nay ở với chị H ổn định , để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung nên tiếp tục giao cháu K cho chị H nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên . Chấp nhận sự tự nguyện của c hị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình .

[4]. Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết . Vì vậy, không đặt ra xem xét.

[5]. Khi nào anh T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về con chung , cấp dưỡng nuôi con và tài sản, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác

[6]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị H ly hôn anh Lê Mạnh T.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị H được tiếp tục nuôi con chung của vợ chồng là cháu Lê Duy K, sinh ngày 02/6/2011, đến khi cháu K thành niên . Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con . Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản: không đặt ra giải quyết

4. Khi nào anh T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung , cấp dưỡng nuôi con, tài sản thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc khác theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0001586 ngày 20/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động. Chị H đã nộp đủ.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, người có mặt được tính từ ngày tuyên án, người vắng mặt được tính từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án tại UBND xã Hiệp Cường, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên./.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- UBND xã Hiệp Cường.
- VKSND huyện Kim Động
- THA huyện Kim Động
- Phòng KTNV và THA Tòa án tỉnh.
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Ngọc Oanh